

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU LỘC NINH

QUY TRÌNH ĐIỀU TRA ĐỘNG VẬT RỪNG

SOẠN THẢO	XEM XÉT	PHÊ DUYỆT
PHÒNG QUẢN LÝ KỸ THUẬT	TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
		
Nguyễn Thị Thu Loan	Hồ Thị Thu An	Nguyễn Duy Tâm

TRANG KIỂM SOÁT VĂN BẢN

A. KIỂM SOÁT PHÂN PHỐI

STT	PHÒNG, ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHÂN PHỐI	SỐ LƯỢNG
1	Ban Tổng Giám đốc	03
2	Hội đồng thành viên	05
3	Kiểm soát viên	03
4	Phòng Quản lý Kỹ thuật	01
5	Phòng Thị trường kinh doanh	01
6	Phòng Tài chính kế toán	01
7	Phòng Quản lý đầu tư và xây dựng	01
8	Phòng Tổ chức - Lao động tiền lương	01
9	Phòng pháp chế thanh tra - Bảo vệ	01
10	Văn phòng Công ty	01
11	Văn phòng Công đoàn	01
12	08 Đội trực thuộc	08

B. KIỂM SOÁT SỬA ĐỔI

Tóm tắt các thay đổi:

- Ban hành Lần 03 Quy trình Điều tra động vật rừng
- Lý do thay đổi: Bổ sung, điều chỉnh thêm các nội dung trong tài liệu này.
- Nội dung cập nhật sửa đổi:
 - + Kiểm soát phân phối: Thay đổi cơ cấu tổ chức, trang 2/10.
 - + Thay đổi mô hình quản lý từ ba cấp: Công ty – Nông trường – Tổ xuống còn hai cấp Công ty – Đội
 - + Phòng Quản lý chất lượng sát nhập vào phòng Thị trường kinh doanh theo Quyết định số 1638 ngày 27/11/2024 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh
 - + Phòng Kế hoạch đầu tư đổi tên thành phòng Quản lý đầu tư và xây dựng theo Quyết định số 837 ngày 15/05/2025 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh
 - + Phòng Thanh tra bảo vệ quân sự đổi tên thành phòng Pháp chế thanh tra bảo vệ theo Quyết định số 836 ngày 15/05/2025 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh

1. Mục đích:

Đánh giá thực trạng hệ động vật rừng trong và vùng lân cận thuộc diện tích rừng trồng cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh và đề xuất những giải pháp, kế hoạch quản lý, bảo tồn và phát triển theo phương án quản lý rừng bền vững.

2. Phạm vi:

Đánh giá thực trạng hệ động vật rừng trong và vùng lân cận thuộc diện tích rừng trồng cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh.

3. Các định nghĩa, thuật ngữ và từ viết tắt

3.1 Định nghĩa, thuật ngữ

- Loài độc hữu: Là loài sinh vật chỉ tồn tại, phát triển trong phạm vi phân bố hẹp và giới hạn trong một vùng lãnh thổ nhất định của Việt Nam mà không được ghi nhận là có ở nơi khác trên thế giới. Luật Đa dạng sinh học 2008, số 20/2008/Q12.

- Loài hoang dã: Là loài động vật, thực vật, vi sinh vật và nấm sinh sống và phát triển theo quy luật. Luật Đa dạng sinh học 2008, số 20/2008/Q12.

- Loài ngoại lai: Là loài sinh vật xuất hiện và phát triển ở khu vực vốn không phải là Thỏi Irường sống tự nhiên của chúng. Luật Đa dạng sinh học 2008, số 20/2008/Q12.

- Loài ngoại lai xâm hại: là loài ngoại lai lấn chiếm nơi sinh sống hoặc gây hại đối với các loài sinh vật bản địa, làm mất cân bằng sinh thái tại nơi chúng xuất hiện và phát triển, Luật Đa dạng sinh học 2008, số 20/2008/Q12.

Loài nguy cấp, quý, hiếm: Là loài hoang dã, giống cây trồng, giống vật nuôi, vi sinh vật và nấm độc lạ, có giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế, sinh thái, cảnh quan, môi trường hoặc văn hóa – lịch sử mà số lượng còn ít hoặc bị đe dọa tuyệt chủng. Luật Đa dạng sinh học 2008, số 20/2008/Q12.

3.2 Các từ viết tắt

QLRBV: Quản lý rừng bền vững

BNNPTNT: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

VFCS: Hệ thống chứng chỉ rừng Việt Nam

4. Tài liệu liên quan

- Sổ tay, tài liệu hướng dẫn thực hiện quản lý rừng bền vững, Tổng cục Lâm nghiệp, 2018

- Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 Quy định về quản lý rừng bền vững;

- Thông tư 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.

5. Nội dung

5.1. Sơ đồ thực hiện

5.2 Mô tả chi tiết

5.2.1. Dụng cụ

- Sổ ghi chép, bút chì, bút đánh dấu, bút ghi mực không thấm nước, giấy trắng
- Ống nhòm
- Máy ảnh, máy quay phim - Đồng hồ - Kẹp đựng hồ sơ, phiếu điều tra giám sát (để ghi số liệu khảo sát - Ảnh nhận dạng động vật - Các tài liệu hướng dẫn nhận dạng hoặc phương pháp thực hiện

Bản đồ, la bàn, ...

5.2.2. Thiết kế tuyến điều tra

- Tuyến điều tra động vật được thiết kế dựa trên đặc điểm sinh cảnh ưa thích của đối tượng cần điều tra vì động vật không sẵn có và cố định như thực vật. Việc xây dựng tuyến điều tra phụ thuộc nhiều vào điều kiện thực địa như địa hình, thời tiết, điều kiện sinh cảnh vv. Đối với tuyến điều trị một số loài thú, độ dài tuyến điều tra dao động từ 1,5 đến 2,0 km (có thể tới 5-6 km và hơn tùy thuộc địa hình).

- Có 2 loại tuyến cơ bản là tuyến đường thẳng và tuyến theo đường mòn. Tùy vào yêu cầu và điều kiện cụ thể mà có thể chọn 1 trong 2 hoặc cả 2 phương pháp này để điều tra.

5.2.3. Điều tra tại hiện trường

- Có nhiều phương pháp khác nhau được áp dụng tùy theo nhóm động vật và tùy theo mục đích của điều tra. Điều tra khu hệ thú cần phải được tiến hành trong các thời điểm khác nhau của năm và ở hầu khắp các dạng sinh cảnh và các địa điểm trong vùng điều tra. Có 2 phương pháp điều tra thú gồm: Phỏng vấn thợ săn, người dân địa phương và điều tra khảo sát thực địa.

a. Phỏng vấn thợ săn và người dân địa phương

- Phỏng vấn người dân địa phương kết hợp với việc thu thập những mẫu vật mà thợ săn còn giữ lại làm kỷ niệm hoặc sử dụng cho một số mục đích khác trong nhà (sừng, đuôi, răng nanh, vuốt, da, lông, sọ, xương...) được áp dụng rộng rãi. Các thông tin, tư liệu phỏng vấn có độ tin cậy không cao, song cung cấp cho chúng ta một số thông tin có ý nghĩa về tình hình khu hệ thú của địa phương điều tra trên các phương diện thành phần loài, loài có ý nghĩa săn bắn, mức độ phong phú, phân bố thực tại, thức ăn, sinh sản và khả năng săn bắt hàng năm.

- Phỏng vấn thợ săn thường được thực hiện ngay trong những ngày đầu khi đoàn điều tra đến điểm khảo sát. Người được phỏng vấn là những thợ săn địa phương nhiều kinh nghiệm với các lứa tuổi khác nhau. Phương pháp này không nên sử dụng thường xuyên trong quá trình khảo sát. Trong trường hợp đặc biệt, phỏng vấn thợ săn có thể sử dụng nếu người điều tra có kinh nghiệm. Nên hạn chế sử dụng phương pháp phỏng vấn nếu người điều tra không biết rõ về những loài mà mình muốn hỏi (như định loại, tập tính, nơi cư trú...). Các thông tin cần thu thập gồm thành phần và số lượng loài xuất hiện trong khu vực

cần điều tra, địa điểm và thời gian người dân nhìn thấy thú. Tranh, ảnh trong dụng cụ điều tra cũng được sử dụng khi phỏng vấn để khẳng định loài người được phỏng vấn cung cấp là đúng.

b. Khảo sát thực địa

- Khảo sát thực địa và thu thập mẫu vật phải được tiến hành trong các mùa khác nhau của năm, trong các thời điểm của ngày và trên các dạng sinh cảnh. Trong điều kiện thực tế chưa đầy đủ mẫu vật chuẩn của các loài thú ở nước ta việc thu thập mẫu vật đôi khi là rất quan trọng. Do tình hình trữ lượng các loài thú hiện nay quá thấp nên việc săn bắn cần phải hạn chế. Bắn loài nào, vào thời điểm nào và bao nhiêu con phải cân nhắc cẩn thận.

- *Khảo sát thực địa có thể được tiến hành theo các bước sau:*

+ Điều tra theo tuyến đối với tất cả các loài, đặc biệt là đối với những loài được chú ý (thú quý hiếm, có giá trị săn bắn).

+ Điều tra theo tuyến, dấu vết của các loài thú để lại trong quá trình hoạt động như dấu chân, phân, vết ùi, hang, tổ ở của các loài thú.

+ Khảo sát ven sông: Đi bằng thuyền để quan sát các loài thú (móng guốc, ăn thịt) thường kiếm ăn ven sông suối lớn) hoặc ra uống nước.

+ Khảo sát trong đêm bằng đèn đội đầu (phương pháp soi đèn ban đêm): Mắt của hầu hết các loài thú thường phản lại khi có ánh đèn chiếu vào. Có thể tiến hành điều tra các loài thú trong đêm dựa vào các đặc điểm màu sắc ánh mắt, kích thước, khoảng rộng giữa 2 mắt, độ cao mắt so với mặt đất... Tuy nhiên, việc xác định loài qua ánh mắt bắt đèn trong đêm là rất khó và nó đòi hỏi bề dày kinh nghiệm của người điều tra.

+ Điều tra theo tiếng kêu: Nhiều loài động vật thường phát ra những tiếng kêu rất đặc trưng cho loài và đó là cơ sở quan trọng giúp chúng ta nhận biết chúng. Những người điều tra giàu kinh nghiệm có thể nhận biết dễ dàng khi nghe tiếng kêu của các loài Vượn, Voọc. Hiện cũng đã có những băng thu âm ghi lại tiếng hót của nhiều loài giúp cán bộ điều tra thực hiện các đợt khảo sát ngoại nghiệp.

c. Ghi chép số liệu

- Yêu cầu quan trọng trong điều tra thú là ghi chép các số liệu thu được. Người điều tra phải ghi chép đầy đủ và tỉ mỉ (càng chi tiết càng tốt) các thông tin về những loài thú đã nghe, đã nhìn thấy hoặc nghe được. Có thể chụp ảnh, quay phim, hoặc mô tả hình dáng loài gặp, các dấu chân, thu nhặt phân hay bất cứ thứ gì có thể làm vật chứng của loài đó. Cách ghi chép thông tin như sau:

+ Mô tả loài

+ Kích thước, hình dáng con vật và tỷ lệ các bộ phận chính

+ Màu sắc các phần hay các cơ quan trên cơ thể (màu lông, bụng), tai, đuôi, màu mắt vv ...)

+ Cách di chuyển

+ Giới tính và tuổi (nếu được)

+ Ghi âm hoặc diễn tả bằng lời một cách chính xác tiếng gọi đàn và thời gian chúng gọi nhau hoặc tần số gọi nhau.

- + So sánh với các loại khác mà người quan sát đã quen biết,
- + Mô tả dạng sinh cảnh.

- Mô tả dạng sinh cảnh, trạng thái kiểu rừng và vị trí nơi loại xuất hiện. Việc mô tả sinh cảnh càng chi tiết càng tốt. Các thông tin quan trọng khi mô tả sinh cảnh là địa hình của sinh cảnh, trạng thái rừng, kết cấu tầng tán, các loài cây gỗ, cây cho quả, dấu vết các hoạt động của con người và ảnh hưởng của các hoạt động đó. Ngoài ra các thông tin khác về hệ thống sông, suối và nguồn nước cũng khá quan trọng, vì đây là nhân tố biến thái quan trọng đối với nhiều loài thú, đặc biệt là thú móng vuốt, thú ăn thịt và linh trưởng.

- + Mô tả tập tính

Cần ghi chép lại toàn bộ những cử chỉ, những hoạt động hoặc những biểu hiện về tình trạng tâm sinh lý của loài động vật đó như tiếng kêu, các tìm kiếm thức ăn, động tác hái lượm thức ăn, động tác di chuyển, các cử chỉ của hoạt động tự vệ hoặc sự thể hiện các hành vi khác của chúng.

- + Mô tả số lượng cá thể

Số liệu về số lượng cá thể cần ghi rõ đó là số lượng đếm được chính xác bước tính, Nếu là số lượng ước tính thì phải nêu rõ được mức độ tin cậy.

Cần xác định “Cấu trúc đàn” ở những loài động vật có tập tính sống đàn, Các số liệu về tỉ lệ đực/cái, con trưởng thành, con bán trưởng thành và con non sẽ rất có ý nghĩa không chỉ đối với nghiên cứu đặc điểm quần thể mà còn cả đối với việc lập kế hoạch quản lý.

d) Điều tra qua dấu vết của động vật

- Do việc nhìn thấy trực tiếp thường là rất khó khăn, đặc biệt khi trữ lượng thú thấp, vì vậy điều tra dấu vết của thú để lại rất cần thiết. Khi điều tra, cần mô tả chi tiết các dấu vết vào phiếu điều tra.

- Dấu chân: Mô tả chi tiết hình dáng, kích thước và cách sắp xếp các ngón chân.
- Phân thú: Mô tả thành phần và màu sắc chứa trong phân (% động vật, thực vật; quả là chồi non củ vv...).
- Dấu vết khác: Vết cọ thân, xước trên cây (do húc, gặm, cào, vv..).
- Mô tả thêm những chi tiết điển hình ở dấu vết và lý do xác định đó là dấu vết của loài này mà không phải của loài khác.
- Mô tả sinh cảnh và kiểu nền đất (mềm/cứng) nơi dấu vết của con vật được tìm thấy.
- Mô tả số lượng dấu vết hoặc diện tích vùng phát hiện dấu vết đó.
- Dự đoán khoảng thời gian xuất hiện của dấu vết theo các tiêu chí sau: Dấu vết rất mới (xuất hiện cùng ngày điều tra); dấu vết còn mới (xuất hiện trong vòng 1 tuần trước ngày điều tra); dấu vết cũ (trên 1 tuần trước ngày điều tra).
- Dự đoán số lượng cá thể đã để lại dấu vết. Vị trí và độ cao tìm thấy dấu vết.

5.2.4. Điều tra mật độ, trữ lượng thú

a. Phương pháp đếm toàn bộ

- Phương pháp này áp dụng để tính số lượng cho các loài thú và khi có nhân lực đông,

khu vực điều tra có diện tích nhỏ, độc lập và đi lại dễ dàng. Để thực hiện, người điều tra vừa đi chuyển, vừa quan sát và đếm cá thể thú bắt gặp.

b. Phương pháp tính số lượng thú theo tiếng kêu

- Áp dụng cho các loài thú có tập tính kêu, đặc biệt trong mùa sinh sản (ví dụ vượn, hoẵng vv..).

- Thời điểm điều tra: Thường vào mùa sinh sản, lúc sáng sớm, chiều tà hay những ngày đẹp trời. Cần phân biệt tiếng kêu của các loài và con đực/con cái.

- Để điều tra, chọn địa điểm thuận lợi để có thể nghe được tiếng kêu và quan sát được hướng kêu của con vật (ví dụ đỉnh đồi, ngọn cây vv..). Dùng địa bàn và bản đồ, xác định hướng, các đỉnh và dãy núi chính. Đánh dấu vị trí điểm kêu của thú trên bản đồ, sau khi điều tra hết các điểm quan sát và khoanh trên bản đồ thì xác định phạm vi điều tra (ha hay km), khi có số liệu về cấu trúc đàn, tỷ lệ đực/cái, tỷ lệ con non, mật độ quần thể được tính theo công thức:

$$D = \frac{F.N}{A}$$

Trong đó: D: Mật độ quần thể

F: Số hiệu chính

N: Số con nghe được

A: Diện tích ô (ha hay km²)

c. Phương pháp đếm đàn

Áp dụng cho các loài có tập tính sống theo đàn ổn định, kích thước lớn, hoạt động ban ngày như voi, bò tót, bò rừng, trâu rừng, lợn rừng, khỉ, vượn, voọc vv ... và nơi rừng thưa, thoáng. Đối với khu vực có diện tích nhỏ, số lượng thú ít, có thể đến tất cả các đàn. Đối với khu điều tra có diện tích lớn, số đàn nhiều, nhân lực hạn chế, việc đếm đàn được thực hiện theo tuyến quan sát ngẫu nhiên. Mật độ loài được tính theo phương pháp trung bình cộng của các đàn trên diện tích quan sát và tổng diện tích sinh cảnh.

Để hạn chế sự trùng lặp về số lượng quan sát (phân biệt đàn), người điều tra cần chú ý đến các chỉ số cấu trúc đàn như: Số lượng con, số con đực, con cái, con non, vị trí quan sát, thời điểm gặp.

d. Tính số lượng theo tuyến hoặc điểm

Áp dụng cho các loài động vật có tập quán hay phát tiếng kêu (khỉ, voọc, vượn) hoặc có thể quan sát được dễ dàng.

+ Phương pháp theo tuyến: Áp dụng trong các thời điểm của năm, ở các kiểu địa hình và loại rừng, đặc biệt trong mùa sinh sản của các loài.

e. Phương pháp thng kể trên tuyến

Ở một kiểu rừng hay ở mỗi kiểu sinh cảnh, lập các tuyến đi bộ quan sát (hoặc lập

tuyến quai sắt đi qua nhiều sinh cảnh hay nhiều kiểu rừng), độ dài tuyến : - Ski, chiều rộng tuyến quan sát 20 - 30 mét (phụ thuộc điều kiện và khả năng qu: sắt). Quan sát vào lúc 6 - 9 giờ sáng hoặc 4 - 5 giờ chiều, tốc độ đi bộ trên tuyến 2 - 3km/giờ. Mỗi tuyến quan sát lặp lại 2 - 3 lần. Mật độ các loại tình theo phương pháp chia số có thể quan sát được cho diện tích tuyến. Ngoài ra phương pháp này còn áp dụng để định giá mu độ phong phú (hay phổ biến) theo hình thức chia cấp (nhiều, trung bình và ít), mỗi cấp lon kem nhau 10% tần suất có thể quan sát được.

f. Tình cổ lang theo dấu chân

Phương pháp tính số lượng theo dấu chân có thể áp dụng cho các loài thú nhóm móng guốc (Nai, Hoàng, Bò rừng, Trâu rừng, Bò tót, Lợn rừng...) các loài thú ăn thịt lớn (Hổ, Báo, Gấu mai, Gấu ngựa, Gấu chó, ...), bộ Guốc lẻ, Voi và một số loài khác.

Điều kiện áp dụng: Nơi các con vật kiếm ăn và có thể để lại dấu vết như ở rừng thum, nhi đất, vùng đất nền, ven khe suối hoặc sau trời mưa.

g. Phương pháp tính số lượng dựa trên lượng phân thải

Gia thiết của phương pháp này dựa trên tổng lượng phân thải ra trong một diện tích có mối liên hệ với số lượng cá thể của một loài thú sống trên đó. Áp dụng cho các loài thú móng guốc, thú ăn thịt, voi vv.

Điều kiện áp dụng: Biết được vùng kiếm ăn, nơi ngủ, nơi thường gặp nạn con vật thải ra xác định đúng phân của loài, số lượng bãi phân chúng thải ra trong một ngày đêm.

Các bước thực hiện: Chọn một số vùng ngẫu nhiên có diện tích là (a km²) trong một vùng đồng nhất có diện tích là (A km²). Trong khu vực này đánh dấu và loại bỏ tất cả các bãi phân cũ Sau một số ngày xác định (t) trong khu vực ghi nhận tất cả các bãi phân mới (p). Căn cứ vào tốc độ thải phân trung bình mỗi ngày (d) của loài nghiên cứu có thể xác định được mật độ của loài nghiên cứu theo công thức sau:

$$M(A) \text{ (con/km}^2\text{)} = \frac{A.p}{i.d.a}$$

Ghi chú: Tham khảo thêm sách “Nhận dạng nhanh một số loài động vật hoang dã” được công bố bởi Cites và pháp luật Việt Nam bảo vệ (Nguyễn Xuân Đăng 2009).

5.2.5. Xây dựng báo cáo kết quả điều tra

Báo cáo về kết quả điều tra, khảo sát đa dạng sinh học thú cần có các phần sau:

1. Mở đầu: Nêu được lý do và mục đích của việc điều tra đa dạng thú trong khu vực điều tra.
2. Đối tượng nghiên cứu.
3. Nội dung nghiên cứu
4. Phương pháp nghiên cứu
- Địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Nêu cụ thể cách thức điều tra đa dạng thú (số lượng và đối tượng phỏng vấn, mẫu phiếu phỏng vấn); cách thức xây dựng tuyến điều tra; số lượng và đặc điểm tuyến điều tra; cách thức nhận biết thú gồm cả trực quan và qua các dấu vết quan sát được; cách thức đo đếm và ghi chép số liệu.

- Dụng cụ sử dụng khi điều tra

- Phương pháp phân tích, công thức tính toán và xử lý số liệu

6. Kết quả nghiên cứu

Căn cứ vào nội dung nghiên cứu, các kết quả nghiên cứu phải đảm bảo được tất cả các nội dung đề ra và trả lời được câu hỏi đã phát hiện được gì qua điều tra. Các kết quả cần cung cấp thông qua bảng biểu, hình ảnh, vv...). Trong phần kết quả cần có thảo luận để so sánh với các nghiên cứu trước và để khẳng định những phát hiện của điều tra. Các vấn đề chính cần đề cập trong kết quả nghiên cứu gồm:

- Thành phần loài ghi nhận

- Hiện trạng quần thể của loài quan sát được tại thời điểm điều tra

- Đánh giá xu hướng biến đổi của quần thể qua các kỳ điều tra (nếu có)

- Đánh giá các nhân tố tác động bao gồm cả tự nhiên và con người đến quần thể các loài quan sát được.

- Nêu lên các vấn đề khác có liên quan đến đối tượng điều tra

- Giá trị khoa học và bảo tồn của các loài thú trong khu vực nghiên cứu các loài đặc hữu, các loài nằm trong sách đỏ Việt Nam, trong Nghị định 32, Nghị định 60, trong Danh mục đỏ thế giới, trong CITES vv...).

Trong trường hợp kết quả điều tra có các loài thú quý hiếm đang bị đe dọa, có nguy cơ tuyệt chủng, cần xây dựng bản đồ phân bố các thú trên trong khu vực nghiên cứu phục vụ công tác bảo vệ, bảo tồn.

- Xác định các nguy cơ đe dọa đối với các loài thú, đặc biệt các loài quý hiếm đang bị đe dọa, có nguy cơ tuyệt chủng.

- Tài liệu tham khảo

- Phụ lục

7. Tổ chức thực hiện

- Phòng Quản lý kỹ thuật và Đội thực hiện điều tra đa dạng hệ động vật rừng.

- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Phòng, Ban, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Ban Tổng Giám đốc để nghiên cứu, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung./.

8. Lưu hồ sơ:

- Hồ sơ lưu 5 năm

9. Phụ lục các biểu mẫu mà qui trình có sử dụng

ĐIỀU TRA ĐỘNG VẬT RỪNG CÓ XƯƠNG SỐNG

Số hiệu tuyến/ điểm điều tra

Tọa độ điểm đầu:Tọa độ điểm cuối:.....

Địa điểm: Tên khu rừng:Tên chủ rừng.....

Xã: Tỉnh:

TT	Tên loài	Ghi nhận (quan sát/dấu vết/ tiếng kêu)	Khoảng cách tới tuyến	Số hiệu mẫu tiêu bản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú: Ghi tọa độ các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; loài được chụp ảnh, số hiệu ảnh.

Người điều tra:

Thời gian điều tra (ngày/tháng/năm):

ĐIỀU TRA CÔN TRÙNG RỪNG

Số hiệu tuyến/ điểm/ ô điều tra

Tọa độ điểm đầu:Tọa độ điểm cuối:.....

Địa điểm:Tên khu rừng:Tên chủ rừng

Xã: Tỉnh:

TT	Tên loài	Sinh cảnh	Độ nhiều	Số hiệu mẫu tiêu bản	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú: Ghi tọa độ các loài nguy cấp, quý, hiếm; loài được chụp ảnh, số hiệu ảnh.

Người điều tra:

Thời gian thu thập (ngày/tháng/năm):